TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 46/2019/QĐST-HNGĐ	***YK,*** *ngày 30 tháng 05 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q sinh năm 1987; địa chỉ xóm 4, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T sinh năm 1992; địa chỉ thôn 13, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Anh Q và chị T đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quang Tr sinh ngày 29/7/2013. Anh Q và chị T thỏa thuận giao cháu Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tr trưởng

thành; chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập của cháu Tr.

Anh Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Tr được sống chung với chị T và anh Q có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu Tr; chị T không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc cháu Tr.

Về tài sản: Anh Q và chị T đều trình bày, vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Anh Q và chị T thỏa thuận anh Q nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật với số tiền là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001999 ngày 12/03/2019 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện YK, anh Q được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn Lực